

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2415/2022/DS-ST

Ngày: 12/12/2022

v/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thân
2. Ông Trần Ngọc Luyện

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan, là Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/11 và ngày 12/12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai và tuyên án theo thủ tục sơ thẩm vụ án thụ lý số: 1077/2022/TLST-DS ngày 30/05/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 548/2022/QĐXXST-DS ngày 10/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 350/2022/QĐST- DS ngày 10/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dư Quốc T, sinh năm 1944; địa chỉ: 443 Cách mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, Hồ Chí Minh; đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Hồng Hải, địa chỉ liên hệ: 207/22 Trần Bình Trọng, Phường 3, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh; (giấy ủy quyền ngày 25/08/2020);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 25/01/1971, địa chỉ: Số 7A2 Lầu 2, chung cư 170C Điện Biên Phủ, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn là ông Dur Quốc T và bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H có quen biết nên ông T cho bà H vay tiền. Ngày 06/5/2009 hai bên ký hợp đồng vay số tiền là: 870.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn trả tiền là 1 tháng. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng bị đơn vẫn không thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ. Để bảo vệ quyền lợi của mình, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số nợ gốc là 870.000.000 đồng và tiền lãi do quá hạn thanh toán với mức lãi suất là 0,75%/tháng tạm tính từ ngày 06/6/2009 đến ngày 20/01/2020 (127 tháng 15 ngày) là: 831.937.500 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn trả là 1.701.937.500 đồng (một tỷ bảy trăm không một triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn).

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập lấy lời khai, hòa giải và xét xử theo quy định nhưng ông vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những ý kiến đã trình bày và các yêu cầu khởi kiện, Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Nguyễn Thị Ánh H trả số nợ gốc là: 870.000.000 đồng và tiền lãi do quá hạn thanh toán với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ tháng 6/2009 đến tháng 12/2022 (162 tháng) số tiền là: $870.000.000 \times 0.75\% / \text{tháng} \times 162 \text{ tháng} = 1.057.050.000$ đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là: $870.000.000 + 1.057.050.000 = 1.927.050.000$ đồng (một tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Yêu cầu cá nhân bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập lấy lời khai, hòa giải và xét xử theo quy định nhưng ông vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B nêu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự 2005; Điều 117, 118, 119, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là: 870.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập lấy lời khai, hòa giải và xét xử theo quy định nhưng ông vẫn vắng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Dư Quốc T khởi kiện bà Nguyễn Thị Ánh H tại Tòa án nhân dân quận B yêu cầu phải trả số tiền nợ tại giấy nhận tiền ngày 06/5/2009, bị đơn cư trú tại quận B nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Nguyễn Thị Ánh H trả số nợ gốc là: 870.000.000 đồng và tiền lãi do quá hạn thanh toán với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ tháng 6/2009 đến tháng 12/2022 (162 tháng) số tiền là: 870.000.000 x 0,75%/ tháng x 162 tháng = 1.057.050.000 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là: 870.000.000 + 1.057.050.000 = 1.927.050.000 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét về tiền nợ gốc: Căn cứ hợp đồng vay tiền đã được bị đơn xác nhận, việc bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn đúng hạn đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên yêu cầu trả nợ gốc là: 870.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005, cũng phù hợp với Điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Theo thỏa thuận thể hiện bị đơn cam kết thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc trước ngày 06/6/2009. Tuy nhiên, hiện nay bị đơn vẫn chưa trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi do quá hạn thanh toán với mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ tháng 6/2009 đến tháng 12/2022 (162 tháng) số tiền là: 870.000.000 x 0,75%/ tháng x 162 tháng = 1.057.050.000 đồng. Xét yêu cầu tính lãi nêu trên là có cơ

sở nên có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; cũng phù hợp với Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét, Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập lấy lời khai, hòa giải và xét xử theo quy định nhưng ông vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày nên không có căn cứ để hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền lợi của bị đơn.

Về thời gian trả: Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ và thời hạn thanh toán, làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán làm một lần số tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463; Điều 466; Điều 468, Điều 469, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định. Cụ thể bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 69.811.500 đồng (sáu mươi chín triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dur Quốc T, sinh năm 1944.

Buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh ngày 25/01/1971 phải trả cho ông Dur Quốc T số tiền tính đến tháng 12/2022 tổng cộng là: 1.927.050.000 đồng (một tỷ chín

trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là: 870.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả là: 1.057.050.000 đồng (năm tỷ không trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi đồng). Trả làm một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Tất cả thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 69.811.500 đồng (sáu mươi chín triệu tám trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Dư Quốc T số tiền là: 32.165.000 đồng (ba mươi hai triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu 0088499 ngày 08/10/2020 của Thi hành án dân sự quận B.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Xuân